

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HS-ST
Ngày: 19-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T1 (còn có tên là Hà Văn T2, Hà Văn T1), sinh năm 1989 tại Campuchia; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Cẩm T3 (chết); Chưa có vợ con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt, tạm giam: Ngày 12 tháng 10 năm 2023; có mặt.

Bị hại: Lê Văn G, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1960; Nơi cư trú: Ấp BHT, xã TTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Mai Văn Tuấn E, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1997; Nơi cư trú: Khóm ST, phường AL, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

Người làm chứng: Huỳnh Văn D1, Huỳnh Văn D2 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 03 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2023, Nguyễn Văn T1 đi bộ hướng từ GD đến chợ CS, khi đi ngang qua nhà ông Lê Văn G thuộc Ấp BHT, xã TTTHA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, T1 thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn nâu, biển số 66P1-151.53 của ông G dựng trước cửa nhà, chìa khóa vẫn còn trên xe, không ai trông coi. T1 nảy sinh ý định lấy trộm nên đã lén lút đi vào dẫn xe ra khỏi nhà nhà ông G, bật chìa khóa, dùng chân đạp nổ máy và điều khiển xe về thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Đến 06 giờ cùng ngày, T1 đến tiệm sửa xe của Mai Văn Tuấn E thuộc khóm ST, phường AL, thành phố HN bán xe trên với giá 800.000 đồng. Khi ông Lê Văn G phát hiện xe mô tô bị mất trộm trình báo, Công an xã TTTHA chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô biển số 66P1-151.53, nhãn hiệu HONDA, số loại ASTREA, màu sơn nâu; chìa khóa xe; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017854, do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 5 năm 2012.

Kết luận định giá tài sản số 40/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hồng Ngự: 01 xe mô tô biển kiểm soát 66P1-151.53 nhãn hiệu HONDA, số loại ASTREA, màu sơn nâu, số khung 24149, số máy 1028045, đã qua sử dụng. Trị giá 2.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 59/CT-VKSHN ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi trộm, phù hợp với biên bản tiếp nhận tin báo, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 03 tháng đến 05 tháng tù.

- Về vật chứng:

+ Đối với xe mô tô biển số 66P1-151.53, nhãn hiệu HONDA, số loại ASTREA, màu sơn nâu; chìa khóa xe; giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017854, do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 17 tháng 5 năm 2012. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hồng Ngự đã trao trả cho bị hại Lê Văn G, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

+ Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc Nguyễn Văn T1 nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 800.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn G đã nhận lại tài sản bị trộm và Mai Văn Tuấn E là người mua xe, đã tự nguyện giao nộp vật chứng. Bị hại G và ông Tuấn E không yêu cầu Nguyễn Văn T1 bồi thường thiệt hại, nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

Đối với Mai Văn Tuấn E mua xe mô tô biển kiểm soát 66P1-151.53 nhưng ý thức không biết xe do Nguyễn Văn T1 trộm cắp có được, nên không đề cập đến trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với bản cáo trạng truy tố và bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xE xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T1 khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự có hành vi cố ý trực tiếp trộm cắp tài sản là xe mô tô biển số 66P1-151.53 đã qua sử dụng, giá trị qua định giá là 2.500.000 đồng của bị hại Lê Văn G. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo T1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về nhân thân: Chưa có tiền sự, tiền án.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự còn hạn chế nên áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét quyết

định hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[9] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên buộc bị cáo nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính là có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không phát sinh, nên không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 (còn có tên là Hà Văn T2, Hà Văn T1) phạm Tội trộm cắp tài sản.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 (còn có tên là Hà Văn T2, Hà Văn T1) 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 10 năm 2023.

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 (còn có tên là Hà Văn T2, Hà Văn T1) nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) từ việc phạm tội mà có.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 (còn có tên là Hà Văn T2, Hà Văn T1) phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19 tháng 12 năm 2023). Đối với bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lương Bằng